

BỘ QUỐC PHÒNG**BỘ QUỐC PHÒNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 124/2015/TT-BQP

Hà Nội, ngày 09 tháng 11 năm 2015

THÔNG TƯ**Hướng dẫn thực hiện chế độ bồi thường, trợ cấp và chi phí y tế
đối với các đối tượng làm việc trong Quân đội
bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp***Căn cứ Bộ luật lao động ngày 18 tháng 6 năm 2012;**Căn cứ Nghị định số 45/2013/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật lao động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và an toàn lao động, vệ sinh lao động;**Căn cứ Nghị định số 35/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;**Xét đề nghị của Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị,**Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện chế độ bồi thường, trợ cấp và chi phí y tế đối với các đối tượng làm việc trong Quân đội bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.***Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn thực hiện chế độ bồi thường, trợ cấp và chi phí y tế của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập đối với các đối tượng làm việc trong Quân đội bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập trong Quân đội có sử dụng lao động (sau đây gọi chung là người sử dụng lao động).

2. Quân nhân, công chức, công nhân, viên chức quốc phòng, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân và người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng (kể cả người học nghề, tập nghề, thử việc) thuộc các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập trong Quân đội bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (sau đây gọi chung là người lao động).

3. Thông tư này không áp dụng đối với các trường hợp người lao động quy định tại Khoản 2 Điều này bị thương, hy sinh được công nhận là thương binh, liệt sĩ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tai nạn lao động: Là tai nạn xảy ra do tác động bởi các yếu tố nguy hiểm, độc hại trong lao động hoặc gắn với quá trình lao động, gây tổn thương cho bất kỳ bộ phận, chức năng nào của cơ thể người lao động, làm suy giảm khả năng lao động hoặc gây tử vong trong huấn luyện, công tác, học tập, lao động, sản xuất hoặc các hoạt động gắn liền với việc thực hiện nhiệm vụ, tai nạn xảy ra trong thời gian nghỉ giải lao, ăn giữa ca, ăn bồi dưỡng hiện vật, vệ sinh kinh nguyệt, tắm rửa, cho con bú, đi vệ sinh, chuẩn bị và kết thúc công việc tại nơi làm việc hoặc tai nạn xảy ra tại địa điểm và thời gian hợp lý khi người lao động đi từ nơi ở đến nơi làm việc, từ nơi làm việc về nơi ở (kể cả khi giải quyết các nhu cầu cần thiết trong thời gian làm việc theo quy định của Bộ luật lao động).

2. Bệnh nghề nghiệp: Là bệnh phát sinh do điều kiện lao động có hại của nghề nghiệp tác động tới người lao động theo danh mục các loại bệnh nghề nghiệp do Bộ Y tế và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành (Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này).

Điều 4. Điều kiện, nguyên tắc, mức bồi thường tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

1. Điều kiện người lao động được bồi thường

a) Người lao động bị tai nạn lao động làm suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên hoặc bị chết, trừ trường hợp quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 5 của Thông tư này;

b) Người lao động bị bệnh nghề nghiệp theo kết luận của Hội đồng Giám định Y khoa hoặc của cơ quan pháp y có thẩm quyền, được bồi thường trong các trường hợp sau:

- Bị chết do bệnh nghề nghiệp khi đang làm việc hoặc trước khi chuyển làm công việc khác, trước khi thôi việc, trước khi mất việc, trước khi nghỉ hưu;

- Bị suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên do bệnh nghề nghiệp theo kết quả thực hiện khám giám định bệnh nghề nghiệp định kỳ (theo quy định của Bộ Y tế).

2. Nguyên tắc bồi thường

a) Việc bồi thường đối với người lao động bị tai nạn lao động được thực hiện từng lần. Tai nạn lao động xảy ra lần nào thực hiện bồi thường lần đó, không cộng dồn các vụ tai nạn đã xảy ra từ các lần trước đó;

b) Việc bồi thường đối với người lao động bị bệnh nghề nghiệp được thực hiện từng lần theo quy định sau:

- Lần thứ nhất căn cứ vào mức (%) suy giảm khả năng lao động (tỷ lệ tổn thương cơ thể) trong lần khám đầu;

- Từ lần thứ hai trở đi căn cứ vào mức (%) suy giảm khả năng lao động tăng lên để bồi thường phần chênh lệch mức (%) suy giảm khả năng lao động so với kết quả giám định lần trước liền kề.

3. Mức bồi thường

Mức bồi thường đối với người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp quy định tại Điểm a, b Khoản 1 Điều này được tính như sau:

a) Ít nhất bằng 30 tháng tiền lương đối với người lao động bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên hoặc cho thân nhân người lao động khi người lao động bị chết do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

b) Ít nhất bằng 1,5 tháng tiền lương đối với người bị suy giảm khả năng lao động từ 5% đến 10%; nếu bị suy giảm khả năng lao động từ 11% đến 80% thì cứ tăng 1% sẽ được cộng thêm 0,4 tháng tiền lương theo công thức dưới đây hoặc tra theo bảng tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này:

$$Tbt = 1,5 + \{(a - 10) \times 0,4\}$$

Trong đó:

- Tbt: Mức bồi thường cho người bị suy giảm khả năng lao động từ 11% trở lên (đơn vị tính: Tháng tiền lương);

- 1,5: Mức bồi thường khi suy giảm khả năng lao động từ 5% đến 10%;

- a: Mức (%) suy giảm khả năng lao động của người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

- 0,4: Hệ số bồi thường khi suy giảm khả năng lao động tăng 1%.

Ví dụ 1:

- Đồng chí Nguyễn Văn A bị bệnh nghề nghiệp, giám định sức khỏe lần thứ nhất xác định mức suy giảm khả năng lao động là 15%. Mức bồi thường lần thứ nhất cho đồng chí A tính như sau:

$$Tbt = 1,5 + \{(15 - 10) \times 0,4\} = 3,5 \text{ (tháng tiền lương).}$$

- Định kỳ, đồng chí A giám định sức khỏe lần thứ hai, mức suy giảm khả năng lao động được xác định là 35% (mức suy giảm khả năng lao động đã tăng hơn so với lần thứ nhất là 20%). Mức bồi thường lần thứ hai cho đồng chí Nguyễn Văn A là:

$$Tbt = 20 \times 0,4 = 8,0 \text{ (tháng tiền lương).}$$

Điều 5. Điều kiện, nguyên tắc, mức trợ cấp tai nạn lao động

1. Điều kiện người lao động được trợ cấp

Người lao động bị tai nạn lao động làm suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên hoặc bị chết trong các trường hợp sau thì được trợ cấp:

a) Tai nạn lao động mà nguyên nhân xảy ra tai nạn hoàn toàn do lỗi của chính người lao động theo kết luận trong biên bản điều tra tai nạn lao động;

b) Tai nạn xảy ra đối với người lao động khi đi từ nơi ở đến nơi làm việc hoặc từ nơi làm việc về nơi ở tại địa điểm và thời gian hợp lý (căn cứ hồ sơ giải quyết vụ tai nạn của cơ quan công an hoặc cơ quan Điều tra hình sự Quân đội hoặc giấy xác nhận của chính quyền địa phương nơi xảy ra tai nạn).

2. Nguyên tắc trợ cấp

Việc trợ cấp được thực hiện từng lần; tai nạn lao động xảy ra lần nào thực hiện trợ cấp lần đó, không cộng dồn các vụ tai nạn đã xảy ra từ các lần trước đó.

3. Mức trợ cấp

a) Ít nhất bằng 12 tháng tiền lương đối với người lao động bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên hoặc cho thân nhân người lao động khi người lao động bị chết do tai nạn lao động;

b) Ít nhất bằng 0,6 tháng tiền lương đối với người bị suy giảm khả năng lao động từ 5% đến 10%; nếu bị suy giảm khả năng lao động từ 11% đến 80% thì tra bảng theo mức bồi thường tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này hoặc tính theo công thức dưới đây:

$$T_{tc} = T_{bt} \times 0,4$$

Trong đó:

- T_{tc} : Mức trợ cấp cho người lao động bị suy giảm khả năng lao động từ trên 10% trở lên (đơn vị tính: Tháng tiền lương);

- T_{bt} : Mức bồi thường cho người bị suy giảm khả năng lao động từ trên 10% trở lên (đơn vị tính: Tháng tiền lương).

Ví dụ 2:

- Đồng chí Trần Văn B bị tai nạn lao động lần thứ nhất do đồng chí B đã vi phạm quy định về an toàn lao động, không do lỗi của ai khác. Giám định sức khỏe xác định mức suy giảm khả năng lao động của đồng chí B là 15% do vụ tai nạn này. Mức trợ cấp lần thứ nhất cho đồng chí Trần Văn B là:

$$- T_{tc} = T_{bt} \times 0,4 = 3,5 \times 0,4 = 1,4 \text{ (tháng tiền lương).}$$

- Lần tiếp theo đồng chí B bị tai nạn khi đi từ nơi làm việc về nơi ở (được điều tra và xác định là thuộc trường hợp được trợ cấp theo quy định tại Khoản 1 Điều này). Giám định sức khỏe xác định mức suy giảm khả năng lao động do lần tai nạn này là 20%, mức trợ cấp lần thứ hai cho đồng chí Trần Văn B là:

$$- T_{tc} = T_{bt} \times 0,4 = 5,5 \times 0,4 = 2,2 \text{ (tháng tiền lương).}$$

Điều 6. Bồi thường, trợ cấp trong những trường hợp đặc thù

1. Trường hợp người lao động bị tai nạn khi thực hiện nhiệm vụ hoặc tuân theo sự điều hành hợp pháp của người sử dụng lao động ở ngoài phạm vi cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nếu do lỗi của người khác (không phải là

bản thân người lao động bị tai nạn) gây ra hoặc không xác định được người gây ra tai nạn, thì người sử dụng lao động vẫn phải bồi thường cho người lao động theo quy định tại Điều 4 Thông tư này.

2. Trường hợp người lao động bị tai nạn khi đi từ nơi ở đến nơi làm việc hoặc từ nơi làm việc về nơi ở tại địa điểm và thời gian hợp lý, nếu do lỗi của người khác (không phải là bản thân người lao động bị tai nạn) gây ra hoặc không xác định được người gây ra tai nạn thì người sử dụng lao động vẫn phải trợ cấp cho người lao động theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.

3. Trường hợp người sử dụng lao động đã mua bảo hiểm tai nạn cho người bị tai nạn lao động tại các đơn vị hoạt động kinh doanh dịch vụ bảo hiểm, thì người bị tai nạn lao động được hưởng các khoản chi trả bồi thường, trợ cấp theo hợp đồng đã ký với đơn vị kinh doanh dịch vụ bảo hiểm. Nếu số tiền mà đơn vị kinh doanh dịch vụ bảo hiểm trả cho người bị tai nạn lao động thấp hơn mức quy định tại Điều 4, Điều 5 Thông tư này, thì người sử dụng lao động phải trả phần còn thiếu để tổng số tiền người bị tai nạn lao động hoặc thân nhân của người bị tai nạn lao động nhận được ít nhất bằng mức bồi thường, trợ cấp được quy định tại Điều 4, Điều 5 Thông tư này.

Điều 7. Tiền lương làm căn cứ tính bồi thường, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

1. Tiền lương làm căn cứ tính tiền bồi thường hoặc trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là tiền lương được tính bình quân của 6 tháng liền kề trước khi tai nạn lao động xảy ra hoặc trước khi bị bệnh nghề nghiệp. Nếu thời gian làm việc, học nghề, tập nghề, thử việc, tập sự không đủ 6 tháng thì tiền lương làm căn cứ tính tiền bồi thường, trợ cấp là tiền lương được tính bình quân của các tháng trước liền kề thời điểm xảy ra tai nạn lao động, thời điểm xác định bị bệnh nghề nghiệp.

2. Mức tiền lương tháng quy định tại Khoản 1 Điều này được xác định cụ thể đối với từng đối tượng như sau:

a) Đối với người lao động hưởng lương từ ngân sách Nhà nước, tiền lương làm căn cứ tính tiền bồi thường, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là tiền lương cấp bậc, chức vụ, phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên nghề, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có);

b) Đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động thì tiền lương làm căn cứ tính tiền bồi thường, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là tiền lương ghi trên hợp đồng lao động, bao gồm cả tiền lương theo công việc, chức danh và phụ cấp lương (nếu có);

c) Đối với người lao động đang trong thời gian học nghề, tập nghề tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chưa có mức lương học nghề, tập nghề thì tiền lương làm căn cứ tính tiền bồi thường, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là mức